TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HSST
Ngày 27-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:	Ông Nguyễn Văn Khương
Thẩm phán:	Ông Nguyền Văn Thư
Các Hội thẩm nhân dân:	Ông Lê Văn Mãi
	Bà Lương Thị Diệu
	Bà Nguyễn Thị Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh T - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2018/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST- HS ngày 05 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Vũ Văn N. Sinh năm 1981 tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Khu phố NT, thị trấn LN, huyện LN, tỉnh Bình Phước. Nghề nghiệp: Công chức, là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 14, ngày 17/01/2017 của UBKT huyện ủy huyện LN); Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới T: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn H, sinh năm 1957 và bà Phạm Thị C, sinh năm 1959; có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1979 (đã ly hôn) và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2017 cho đến nay. “Có mặt”

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Luật sư Ngô Quốc Chiến, sinh năm 1973 – Văn phòng Luật sư Quốc tế - Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước. "Có mặt"

Địa chỉ: Quốc lộ 14, khu phố PT, phường TP, thị xã ĐX, tỉnh Bình Phước,

- *Bị hại:*

+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

Trụ sở tại: đường LH, phường TC, quận BĐ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Agribank

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Xuân L, sinh năm 1977; Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Lộc Thái, Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện LN, tỉnh Bình Phước (theo Giấy ủy quyền ngày 07/11/2016) "Có đơn xin xét xử vắng mặt"

+ Ông Lê Văn H, sinh năm 1982; Trú tại: Thôn 8, xã TN, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước. "Có đơn xin xét xử vắng mặt"

+ Ông Đinh Mậu C, sinh năm 1988; HKTT: Thôn Phú Thiết 2, xã Hưng Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình; "Có đơn xin xét xử vắng mặt"

Nơi ở: TTGDLĐ-TBXH Phú Văn, xã Phú Văn, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

+ Ông Đoàn Công K, sinh năm 1974; Trú tại: Tổ 4, ấp 3, xã TT, huyện BTU, tỉnh Bình Dương. "Có mặt"

- *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Điểu T, sinh năm 1977; Trú tại: Ấp TT, xã LT, huyện LN, tỉnh Bình Phước. "Có mặt"

+ Ông Vũ Xuân L, sinh năm 1973; Trú tại: Ấp K54, xã LT, huyện LN, tỉnh Bình Phước. "Có mặt"

+ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962; Trú tại: Ấp 11B, xã LT, huyện LN, tỉnh Bình Phước. "Có đơn xin xét xử vắng mặt". Ông H ủy quyền cho ông Trần Thanh Tốt, sinh năm 1961, Nơi cư trú: Tổ 7, khu phố 4, phường TN, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa. "Có mặt"

+ Ông Đỗ Thanh S, sinh năm 1973; Trú tại: Tổ 4, ấp MC, xã LT, huyện LN, tỉnh Bình Phước. "Có mặt"

+ Ông Lê Quang Hưng, sinh năm 1962; Trú tại: Tổ 6, khu phố NT, thị trấn LN, huyện LN, tỉnh Bình Phước. "Vắng mặt"

+ Ông Trần H, sinh năm 1974; Trú tại: Khu phố NT, thị trấn LN, huyện LN, tỉnh Bình Phước. "Vắng mặt"

+ Ông Hoàng N T, sinh năm ; Trú tại: Khu phố NT, thị trấn LN, huyện LN, tỉnh Bình Phước. "Vắng mặt"

+ Bà Đinh Thị N, sinh năm 1951; HKTT: Số 363 XV, phường 24, Quận BT, thành phố Hồ Chí Minh; "Vắng mặt"

Chỗ ở: 86/26 đường K, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Lê Thanh H, sinh năm 1991; Trú tại: Thôn 8, xã TN, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước. "Vắng mặt"

+ Phan Anh Thảo, sinh năm 1983; Trú tại: Thôn 8, xã TN, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước. "Vắng mặt"

+ Bà Đinh Thị D, sinh năm 1991; Trú tại: Thôn Nội Mai, xã Hưng Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. "Có đơn xin xét xử vắng mặt"

+ Bà Trần Thị Hạnh, sinh năm 1993; Trú tại: ấp 6, thị trấn CT, huyện ĐC, tỉnh Gia Lai; "Vắng mặt"

+ Bà Vũ Thị Nguyệt, sinh năm 1984; Trú tại: Thôn 1, xã PV, huyện BGM, tỉnh Bình Phước. "Có đơn xin xét xử vắng mặt"

- *Những người làm chứng:*

+ Ông Trần Ngọc Dương, sinh năm 1982; Trú tại: Ấp 3, xã LT, huyện LN, tỉnh Bình Phước. "Có đơn xin xét xử vắng mặt"

+ Ông Phạm Thái Tình, sinh năm 1988; HKTT: Thôn CT, xã NK, NL, Thanh Hóa; Nơi công tác: Ban quản lý rừng phòng hộ TT, huyện LN, tỉnh Bình Phước. "Có mặt"

+ Ông Đoàn Văn Nam, sinh năm 1979; Trú tại: Thôn 8, xã TN, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước. "Vắng mặt"

+ Ông Đinh Như Duy; trú tại: Ấp 6, thị trấn CT, huyện ĐC, tỉnh Gia Lai; "Vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ đầu năm 2013 đến đầu năm 2015, Vũ Văn N mua bán đất, vay mượn tiền của nhiều người như: Đinh Thị N, Phạm Văn B, Phan Hồng Ph, Nguyễn Hữu

B, Bùi Huy Q, Lê Trần H nhưng do làm ăn thua lỗ không có K năng chi trả với khoản tiền 854.000.000 đồng. Để có tiền tiêu xài, N đã thực hiện 03 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản như sau:

Vụ thứ nhất:

Khoảng đầu năm 2015, N biết ông Điểu T, ông Vũ Xuân L mỗi người có 04 ha đất trồng cao su 2 đến 3 năm tuổi tại khoảnh 1, 2 tiểu khu 210 thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ Tà Thiết (BQLRHP Tà Thiết) tọa lạc tại ấp Vườn Bưởi, xã LT, huyện LN, tỉnh Bình Phước, đất chưa được cấp sổ giao nhận khoán nên N gặp ông L, ông T thỏa thuận giá mua bán đất nhưng chưa TN được giá và N có đặt cọc cho ông T 28 triệu đồng để làm tin thỏa thuận mua bán tiếp. Sau đó N nảy sinh ý định đứng tên xin nhận giao khoán 02 thửa đất 08 ha của ông T và ông L để bán cho người khác. Ngày 31/5/2015 N điện thoại cho ông Nguyễn Văn H giám đốc BQLRHP Tà Thiết nói dối là N mua được thửa đất của người đồng bào và nhờ ông H cấp sổ giao nhận khoán. Ông H tin tưởng N đang làm công chức tại Uỷ ban kiểm tra thuộc huyện ủy huyện LN nói có đất là thật nên ông H chỉ đạo ông Đỗ Thanh S chức vụ Phó trưởng phòng quản lý bảo vệ rừng tiến hành xác minh, đo đạc làm thủ tục cấp sổ giao khoán cho N. Sáng ngày 01/6/2015, N dẫn ông S và ông Phạm Thái T cán bộ kỹ thuật của BQLRHP Tà Thiết đến thửa đất của ông T và ông L để tiến hành đo đạc. Lúc đo đạc không có mặt ông T, ông L và các chủ đất giáp tứ cận. Sau khi đo đạc định vị xong, ông S về đưa thông tin cá nhân của N, số liệu kiểm tra tại thực địa cho ông Lê Quang H là kế toán trưởng của BQLRHP Tà Thiết nhờ ông H đánh máy điền các thông tin, số liệu vào mẫu đơn xin nhận khoán, biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, sơ đồ vị trí khu vực đất giao khoán, hợp đồng giao nhận khoán, biên bản giao nhận khoán và tách làm hai bộ hồ sơ giao khoán, mỗi bộ hồ sơ 4 ha đều do N đứng tên nhận khoán. Sau đó, N và ông S ký tên vào hồ sơ, rồi ông H đưa hồ sơ cho ông Nguyễn Văn H giám đốc BQLRHP Tà Thiết, ông Trần H chủ tịch UBND xã LT ký tên, sau đó ông H trình ông Hoàng N Tân – Phó chủ tịch UBND huyện LN ký phê duyệt. Ngày 3/6/2015 ông Nguyễn Văn H ký biên bản bàn giao cho N 02 sổ giao nhận khoán số 19/2015 và số 20/2015.

Sau khi N nhận được 02 sổ giao nhận khoán đất, N không nói cho ông T, ông L biết và cũng không thỏa thuận tiếp việc mua bán đất với ông T, ông L. Do

đang bị nhiều người đòi nợ, không còn tiền chi trả, N nảy sinh ý định lừa dối thế chấp chiếm đoạt tiền của Ngân hàng để có tiền trả nợ. Ngày 06/6/2015 N đem 02 sổ giao nhận khoán đất trên đến phòng giao dịch xã Lộc Thái thuộc Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện LN, nói đất và tài sản trên đất là của N, có nhu cầu thế chấp tài sản trên đất để vay 500 triệu đồng. Sau khi tiếp nhận hồ sơ thì ông Lương Xuân L là Giám đốc phòng giao dịch Lộc Thái, Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện LN và ông Trần Ngọc Dư cán bộ tín dụng đi thẩm định thực tế tài sản trên đất, đến ngày 09/6/2015 Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện LN giải ngân cho N vay 400.000.000 đồng thời hạn trả 12 tháng. Có được tiền N sử dụng trả nợ cho ai không xác định được và tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai:

Khoảng đầu tháng 7/2015 ông Lê Văn H có em gái là Lê Thanh H, ông Đinh Mậu C có em vợ Đinh Thị D mới tốt nghiệp đại học chưa xin được việc làm. Qua tìm hiểu thì ông H, ông C biết được UBND huyện LN đang tổ chức thi tuyển công chức nên ông H, ông C nhờ ông Đoàn Văn Nam giúp cho H, D thi đậu tuyển công chức tại UBND huyện LN. Do N và N là bạn và biết N đang công tác tại UBKT huyện LN nên nhờ N lo giúp cho H, D thi đậu tuyển công chức. Mặc dù, N biết không lo giúp được nhưng do cần tiền trả nợ và tiêu xài nên N nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền bằng cách N nói dối với anh N là lo cho H thi đậu làm ở BQLRHP Tà Thiết với giá 50.000.000 đồng, lo cho D thi đậu làm giáo viên môn lịch sử với giá 60.000.000 đồng, đưa trước một nửa số tiền, số tiền còn lại sau khi có kết quả thi đậu sẽ đưa hết số tiền còn lại. Anh N nói lại cho ông H, ông C biết và hai người đồng ý.

Ngày 16/7/2015 ông H đưa cho N 25.000.000 đồng, ông H, C, N cùng đến gặp N tại nhà khách huyện LN thì anh N đưa cho N 25.000.000 đồng và sáng ngày 17/7/2015 ông C đưa cho N 30.000.000 đồng, N có viết giấy nhận tiền với nội dung "Nhận của anh Đinh Mậu C 30.000.000 đồng tiền xin việc". Sau đó, N sợ khi có kết quả thi mà H, D không đậu thì ông H, ông C sẽ không đưa thêm tiền nên N điện thoại cho ông N là kêu ông H và C đưa hết số tiền còn lại cho N và chuyển tiền vào tài khoản 560420511211 của N mở tại Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện LN. Ngày 22/7/2015 ông H sử dụng thẻ ATM của vợ là Phan Anh T chuyển vào tài khoản của N 10.000.000 đồng, ngày 28/8/2015 bà T tiếp tục

chuyển tiền vào tài khoản của N 15.000.000 đồng; đồng thời ông C điện thoại cho anh vợ là Đinh Như D nhờ chuyển vào tài khoản của N 30.000.000 đồng, D gọi cho vợ là chị Trần Thị H nhờ chuyển 30 triệu đồng vào tài khoản của N. Kết quả kỳ thi tuyển công chức, H và D không đậu. Ngày 13/6/2016 ông H, C có đơn tố cáo N.

Tổng số tiền mà N chiếm đoạt của ông Lê Văn H là 50.000.000 đồng, chiếm đoạt của ông Đinh Mậu C 60.000.000 đồng, N đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ ba:

Vào năm 2011, ông Đoàn Công K có nhận chuyển nhượng khoảng 2 ha đất tại ấp 8c, xã LH, huyện LN chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhận chuyển nhượng thửa đất (12 x 60m) để làm đường đi vào khu đất 2 ha nhưng chưa sang tên được.

Đến tháng 8/2015 ông K nhờ N làm giúp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với mảnh đất 2 ha và tách sổ đối với thửa đất 12 x 60m. N nói với ông K tiền công làm giấy là 15.000.000 đồng/ha, ông K phải đóng thuế nhà nước, ông K đồng ý đưa cho N 5.000.000 đồng để làm chi phí đi lại. Sau đó, N nhờ ông Võ Ngọc T cán bộ phòng Tài nguyên môi trường huyện LN đến khu đất của ông K để tiến hành xác minh, đo đạc. sau khi kiểm tra hiện trạng đất thì ông T nói cho N biết là không làm được sổ vì khó xác định tứ cận và không đủ điều kiện tách thửa. lúc này, N nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ông K nên N đề nghị ông K gửi thêm tiền, do tin tưởng N làm được sổ đất, ông K đã đưa nhiều lầm cho N với tổng số tiền 49.000.000 đồng, N sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Ngày 06/8/2016 ông K có đơn tố cáo N.

Ngày 05/10/2016 Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện LN khởi kiện dân sự đối với N ra Tòa án nhân dân huyện LN. Đến ngày 20/02/2017 Tòa án nhân dân huyện LN xác định có dấu hiệu tội phạm, chuyển hồ sơ đến cơ quan CSĐT Công an huyện LN. Trong quá trình điều tra xác minh, ông Nguyễn Văn H, Đỗ Thanh S, Lê Quang H đã góp tiền trả thay N cho Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện LN 463.000.000 đồng gồm 400.000.000 đồng N vay gốc và 63.000.000 đồng lãi phát sinh.

Vật chứng thu giữ: 04 (bốn) cuốn sổ giao nhận khoán đất số 19/2015, 20/2015.

Về trách nhiệm dân sự:

- Người đại diện theo ủy quyền của bị hại Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam – Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp huyện LN không có yêu cầu về bồi thường trách nhiệm dân sự do Ngân hàng đã nhận đủ số tiền 463.000.000 đồng mà bị cáo chiếm đoạt.

- Ông Nguyễn Văn H, Đỗ Thanh S, Lê Quang H góp tiền trả thay bị cáo cho Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện LN với tổng số tiền 463.000.000 đồng gồm 400.000.000 đồng tiền gốc và 63.000.000 đồng lãi phát sinh. Trong đó: Ông Nguyễn Văn H yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 173.000.000 đồng ông đã khắc phục hậu quả thay cho bị cáo và không yêu cầu T lãi; ông Đỗ Thanh S không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 130.000.000 đồng ông đã khắc phục hậu quả thay cho bị cáo; ông Lê Quang H không yêu cầu bị cáo N trả lại số tiền 160.000.000đ ông đã khắc phục hậu quả thay bị cáo (bút lục 521).

- Bị hại Đoàn Công K yêu cầu bị cáo trả lại cho ông số tiền 49.000.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt của ông.

- Trong quá trình chuẩn bị xét xử, chị Vũ Thị N là chị ruột của bị cáo Vũ Văn N đã thay bị cáo bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại Lê Văn H số tiền 15.000.000 đồng và bị hại Đinh Mậu C số tiền 15.000.000 đồng. Ông Lê Văn H và ông Đinh Mậu C đã rút toàn bộ yêu cầu bồi thường số tiền còn lại (bút lục 586, 588). Chị Vũ Thị N không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 30.000.000 đồng này.

Tại Cáo trạng số 04/CT-VKSBP-P3 ngày 07 tháng 3 năm 2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Vũ Văn N về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Văn N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Bản cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước giữ nguyên Cáo trạng tru tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử bị cáo Vũ Văn N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo mức án từ 12 đến 13 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Vũ Văn N phát biểu quan điểm: Đồng quan điểm với vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước về tội danh, khung hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tuy nhiên, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo có cơ hội về khắc phục hậu quả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, các hành vi, quyết định của cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa, bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Vũ Văn N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2015 đến tháng 8/2015, bị cáo đã thực hiện hành vi lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản như sau: bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để được Ban quản lý rừng phòng hộ Tà Thiết cấp 02 sổ giao khoán đất số 19/2015 và 20/2015 đối với 02 thửa đất của ông Điểu T và ông Vũ Xuân L tại khoảnh 1, 2 tiểu khu 210 thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ Tà Thiết tọa lạc tại ấp VB, xã LT, huyện LN, tỉnh Bình Phước,

sau đó thế chấp 02 sổ giao khoán cho Phòng giao dịch xã LT thuộc Ngân hàng Agribanhk chi nhánh huyện LN để chiếm đoạt 400.000.000 đồng của Ngân hàng Agribanhk Việt Nam; dùng thủ đoạn gian dối hứa lo thi đậu công chức để chiếm đoạt của ông Lê Văn H 50.000.000 đồng, chiếm đoạt của ông Đinh Mậu C 60.000.000 đồng; dùng thủ đoạn gian dối hứa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đoàn Công K để chiếm đoạt 49.000.0000 đồng. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại 559.000.000 đồng.

Hành vi dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác với tổng số tiền 559.000.000 đồng của bị cáo Vũ Văn N đã đủ yếu tố cấu thành "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999. Do đó, Cáo trạng số 04/CT-VKSBP-P3 ngày 07 tháng 3 năm 2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Vũ Văn N về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự 1999 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Bị cáo là cán bộ - Đảng viên công tác tại Uỷ ban kiểm tra Huyện ủy LN, nhận thức rõ việc đưa ra các thông tin gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại với số tiền lớn là hành vi phạm tội nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo đã 3 lần dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của Ngân hàng Agribanhk chi nhánh huyện LN số tiền 400.000.000 đồng; chiếm đoạt của ông Lê Văn H số tiền 50.000.000 đồng, chiếm đoạt của ông Đinh Mậu C số tiền 60.000.000 đồng, chiếm đoạt của ông Đoàn Công K số tiền 49.000.0000 đồng. Do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tác động gia đình bồi thường khắc phục một phần hậu quả (bút lục 587, 589); được các bị hại là ông Đinh Mậu C, Lê Văn H làm đơn bãi nại (Bút lục 586, 588); cha ruột của bị cáo là người có công với cách mạng (thương,

bệnh binh) (bút lục 583, 584, 585). Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 cho bị cáo hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng ông Đoàn Công K thỏa thuận đưa cho bị cáo làm chi phí xin cấp sổ đất, không có dấu hiệu tội phạm nên không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với khoản tiền bị cáo N vay của bà Đinh Thị N, Phạm Văn B, Phan Hồng P, Nguyễn Hữu B, Bùi Huy Q, Lê Trần H, Lý Phương T là quan hệ dân sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thông báo trả lại đơn và hướng dẫn khởi kiện dân sự khi có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ông Đoàn Văn N không biết bị cáo có ý định lừa đảo để chiếm đoạt tiền của ông Lê Văn H và ông Đinh Mậu H nên đã giúp bị cáo lấy tiền của ông H và ông C. Hành vi của ông N không cấu thành tội phạm nên không xem xét.

Đối với ông Đỗ Thanh S, là Phó trưởng phòng quản lý bảo vệ rừng được giao nhiệm vụ tiến hành xác minh, đo đạc làm thủ tục cấp sổ giao khoán đất cho Vũ Văn N nhưng không xác minh việc bị cáo có nhận chuyển nhượng đất hay không mà vẫn cấp 02 sổ giao khoán cho bị cáo đứng tên để sau đó bị cáo sử dụng 02 sổ giao khoán này thế chấp, chiếm đoạt 400.000.000 đồng của Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện LN, có dấu hiệu của tội "Cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng" theo quy định tại Điều 165 ộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm e khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì hành vi của ông Đỗ Thanh S không đủ cơ sở để xử lý trách nhiệm hình sự, ông S đã bị xử lý kỷ luật và Viện kiểm sát không truy tố nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ông Lê Quang H là kế toán của Ban quản lý rừng phòng hộ Tà Thiết, đánh máy hoàn thành hồ sơ giao khoán đất dùm cho ông S, đem hồ sơ trình ký và được ông Trần H là chủ tịch Ủy ban nhân dân xã LT ký tên vào hồ sơ giao khoán đất là xác nhận địa giới hành chính không thuộc Uỷ ban nhân dân xã

quản lý nên không có cơ sở xử lý trách nhiệm đối với ông H, ông Trần H. Mặt khác, ông Lê Quang H đã bị xử lý kỷ luật nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Đối với ông Nguyễn Văn H là giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ Tà Thiết, ông H giao cho ông S có trách nhiệm làm thủ tục tham mưu cấp sổ giao khoán cho bị cáo, sau khi ông S hoàn thành thủ tục hồ sơ thì ông H thiếu sự kiểm tra do tin tưởng cấp dưới tham mưu và nể nang N là cán bộ Uỷ ban kiểm tra huyện ủy LN nên ký tên vào hợp đồng giao khoán để tham mưu cho Uỷ ban nhân dân huyện LN phê duyệt, khi phát hiện ra sai phạm trong việc cấp sổ giao khoán đã kịp thời khắc phục hậu quả, thu hồi sổ giao khoán và đã bị kiểm điểm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ông Hoàng N Tân là Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN ký tên phê duyệt vào hợp đồng giao khoán đất là do tin tưởng Ban quản lý rừng phòng hộ Tà Thiết tham mưu đúng, đầy đủ thủ tục nên không có cơ sở xử lý và Viện kiểm sát không truy tố. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, ông Đoàn Công K yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 49.000.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt là có căn cứ, cần buộc bị cáo trả lại cho ông K số tiền này.

Tại phiên tòa, ông Trần Thanh T đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H yêu cầu bị cáo Vũ Văn N phải trả lại cho ông H số tiền 173.000.000 đồng mà ông H đã thay bị cáo khắc phục hậu quả cho Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện LN nên buộc bị cáo trả lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền này.

Tại phiên tòa, ông Đỗ Thanh S không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 130.000.000 đồng ông S đã khắc phục hậu quả cho Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện LN thay cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong quá trình điều tra, ông Lê Quang H không yêu cầu bị cáo trả lại cho ông số tiền 160.000.000đ (bút lục 521) mà ông đã khắc phục hậu quả cho Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện LN thay cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo đã chiếm đoạt của ông Đinh Mậu C số tiền 60.000.000 đồng, ông Lê Văn H 50.000.000 đồng. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, chị Vũ Thị N (chị

ruột của bị cáo) đã tự nguyện bồi thường thay bị cáo cho ông H 15.000.000 đồng và ông C 15.000.000 đồng, chị Nguyệt không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này. Trong quá trình điều tra (tại các bút lục 586, 588) ông C và ông H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước và luật sư bào chữa đề nghị về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu (173.000.000đ + 49.000.000đ) x 5% = 11.100.000 đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Văn N phạm "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

2. Về hình phạt: Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Vũ Văn N 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù T từ ngày 16/01/2017.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; các Điều 584, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo phải hoàn trả cho ông Đoàn Công K số tiền 49.000.000 đồng (Bốn mươi chín triệu đồng);

Buộc bị cáo phải trả lại cho ông Nguyễn Văn H 173.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu đồng);

4. *Về án phí:*

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Vũ Văn N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng)

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Vũ Văn N phải chịu 11.100.000 đồng (Mười một triệu một trăm ngàn đồng)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TANDCC; VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước; PV27;
- Ban Nội chính;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- L (hồ sơ, TNV).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Khương (đã ký)